

Bản án số: 41/2019/HSST
Ngày: 18/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hưng Bình
- *Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Lộc
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Châu Khắc Thái
 2. Ông Nguyễn Văn Thạnh
 3. Ông Dương Quốc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trần Sơn, Kiểm sát viên; Ông Bùi Quang Dũng, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế), Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 26/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST-HS ngày 21/6/2019 đối với:

Bị cáo Vũ Hồng H, sinh ngày 27/01/1979, giới tính: Nam, nơi cư trú: 08B/147 T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Chi cục quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế; con ông Vũ Duy C, sinh năm 1950 và bà Đặng Thị Minh T, sinh năm 1954, gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là chị Mai Phan Huyền Trang, có 01 con sinh năm 2012.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với gia đình và đi học cấp I, II, III tại thành phố Huế.

Từ năm 1997 đến năm 2001, học Đại học Nông lâm Huế;

Từ năm 2001 đến năm 2007 ở nhà kinh doanh mặt hàng ăn uống

Từ năm 2007, Cán bộ Chi cục quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến ngày gây án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 03/7/2018, có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Bà Phan Thị Túy P, sinh năm 1970, trú tại: 70 T, phường H, thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1967, trú tại: 43/48 B, phường C, thành phố H có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Khắc T, sinh năm 1976 và bà Trần Thị L, sinh năm 1975, cùng trú tại: 30 C, phường N, thành phố H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, trú tại: T, phường T, thành phố H, có mặt.

5. Bà Đinh Thị Thu T, sinh năm 1970, trú tại: 21/8/8 Di, phường C. thành phố H, có mặt

6. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1959, trú tại: 06 D, phường A, thành phố H, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1978, cùng trú tại: L, phường H, thành phố H, vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Duy C, sinh năm 1950 và bà Đặng Thị Minh T, sinh năm 1954, cùng cư trú tại: 08B/147 T, phường P, thành phố H, ông C có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Vũ Hồng H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền để trả nợ cá nhân, Vũ Hồng H đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 11 giờ ngày 30/01/2015 Vũ Hồng H đến nhà chị Phan Thị Túy P, sinh năm 1970, trú tại: 70 T, phường H, thành phố H để mượn tiền, H nói dối với chị P là: “Cần 200.000.000 đồng để mua lô hàng do Cơ quan của H bán thanh lý, để bán lại kiếm lời”. Do biết H là Cán bộ quản lý thị trường nên chị P tưởng thật, cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho chị P, hẹn trong thời gian 03 tháng kể từ ngày mượn H sẽ trả lại đầy đủ.

Khoảng 11 giờ ngày 15/12/2015, H tiếp tục đến nhà chị P để mượn tiền. H nói dối với chị P: “Cần mượn cho sếp của Hà số tiền 100.000.000 đồng”, tin tưởng Hà nên chị P cho H mượn số tiền trên, nhưng do lần trước H chưa trả tiền, nên chị P đề nghị H phải thế chấp vật gì đó có giá trị để làm tin. Hà viết giấy mượn tiền giao cho chị P kèm theo một thẻ kiểm tra thị trường mang tên Vũ Hồng H, hẹn trong thời gian 60 ngày H sẽ trả đầy đủ cho chị P

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/12/2015, H tiếp tục đến nhà chị P để mượn tiền. H nói dối với chị P: “Cần mượn số tiền 150.000.000 đồng để mua lô hàng quần áo do Cơ quan của Hà bán thanh lý, tin tưởng lời nói của H nên chị P cho H mượn số

tiền trên, H viết giấy mượn tiền giao cho chị P, hẹn trong thời gian 90 tháng kể từ ngày mượn H sẽ trả lại đầy đủ cho chị P.

Sau đó, H đến gặp chị P nói Cơ quan Hà có đợt kiểm tra thẻ ngành nên H xin mượn lại thẻ, khi nào kiểm tra xong H sẽ đưa lại cho chị P. Chị P tưởng thật giao lại thẻ ngành cho H nhưng sau đó H không đưa lại cho chị P nữa.

Đến hạn trả nợ, H không trả tiền cho chị P mà dùng số tiền trên trả nợ cho những người khác. Như vậy, Hà đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị P tổng số tiền là 450.000.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 17 giờ ngày 05/02/2016, H đến nhà Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1967, trú tại: 43/48, phường An Cựu, thành phố Huế để mượn tiền, H nói dối với bà C là: “Cần số tiền 70.000.000 đồng để lo Tết cho anh em trong cơ quan”. Do biết Hà là Cán bộ quản lý thị trường nên bà C tưởng thật, cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho bà C, hẹn khoảng 01 tháng sau kể từ ngày mượn H sẽ trả đầy đủ cho bà C.

Khoảng 17 giờ ngày 06/02/2016, H tiếp tục đến nhà bà C để mượn tiền, H nói dối với bà C: “Số tiền mượn hôm qua không đủ lo Tết cho anh em, dì cho H mượn thêm 30.000.000 đồng nữa để lo Tết”, tưởng thật, bà C cho H mượn số tiền trên. Hà viết giấy mượn tiền giao cho bà C kèm theo một thẻ kiểm tra thị trường mang tên Vũ Hồng H, hẹn khoảng 01 tháng sau H sẽ trả đầy đủ cho bà C.

Khoảng 09 giờ ngày 29/02/2016, H tiếp tục đến nhà bà C để mượn tiền, H nói dối với bà C: “Cần số tiền 50.000.000 đồng để cho sếp của H. Bà C nói số tiền 100.000.000 đồng chưa trả mà lại mượn thêm, H nói: “Dì lo chi, cháu đã để lại thẻ ngành nơi dì, mai một thanh toán được tiền, cháu sẽ trả hết cho dì”. Tin tưởng lời nói của H, bà C cho H mượn thêm 50.000.000 đồng. H viết giấy mượn tiền giao cho bà C, hẹn khoảng 01 tháng sau kể từ ngày mượn H sẽ trả đầy đủ cho bà C. Sau đó, H đến gặp bà C nói Cơ quan H có đợt kiểm tra thẻ ngành nên H xin mượn lại thẻ, khi nào kiểm tra xong Hà sẽ đưa lại cho bà C. Bà C tưởng thật giao lại thẻ ngành cho H nhưng sau đó H không đưa lại cho bà C nữa.

Đến hạn trả nợ, H không trả tiền cho bà C mà dùng số tiền trên trả nợ cho những người khác. Như vậy, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà C tổng số tiền là 150.000.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 17 giờ ngày 08/3/2016, H đến nhà Ông Trần Khắc T, sinh năm 1976 và bà Trần Thị L, sinh năm 1975, cùng trú tại: 30 C, phường N, thành phố H để mượn tiền, H nói dối với vợ chồng anh T: “Cần 150.000.000 đồng để mua lô hàng do Cơ quan của H bán thanh lý, bán lại kiếm lời”. Do biết H là Cán bộ quản lý thị trường nên vợ chồng anh T tưởng thật, cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho vợ chồng anh T, hẹn trong thời gian 04 tháng kể từ ngày mượn H sẽ trả lại đầy đủ. Đến hạn trả nợ, H không trả tiền cho cho vợ chồng anh T mà dùng số tiền trên trả

nợ cho những người khác. Như vậy, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của vợ chồng anh T số tiền là 150.000.000 đồng.

Vụ thứ tư:

Khoảng 17 giờ ngày 16/4/2016, H đến nhà Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, trú tại: T, phường T, thành phố H để mượn tiền. Hà nói dối với bà T: “Cần gấp số tiền 30.000.000 đồng để chữa bệnh cho người nhà của Hà” vừa nói Hà vừa đưa cho bà T xem thẻ kiểm tra thị trường có dán ảnh của H (thẻ giả được in sao từ thẻ kiểm tra thị trường của H). Tin tưởng là nói của H bà T cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho bà T kèm theo một thẻ kiểm tra thị trường mang tên Vũ Hồng H (thẻ giả), hẹn khoảng 10 ngày sau H sẽ trả đầy đủ cho bà T. Đến hạn trả nợ, H không trả tiền cho cho bà T mà dùng số tiền trên trả nợ cho những người khác. Như vậy, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà T số tiền là 30.000.000 đồng.

Vụ thứ năm:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/6/2016, H đến nhà chị Đinh Thị Thu T, sinh năm 1970, trú tại: 21/8/8 Di, phường C. thành phố H để mượn tiền, Hà nói dối với chị T: “Cần số tiền 70.000.000 để chạy thủ tục làm giấy tờ nhà đất cho người khác, sau khi làm được, người đó sẽ trả tiền công cho H, H sẽ trả lại số tiền này cho chị”, vừa nói H vừa đưa cho chị T xem thẻ kiểm tra thị trường có dán ảnh của H (thẻ giả được in sao từ thẻ kiểm tra thị trường của H). Tin tưởng là nói của H, chị T cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho chị T kèm theo một thẻ kiểm tra thị trường mang tên Vũ Hồng H (thẻ giả), hẹn đến ngày 02/7/2017 H sẽ trả đầy đủ cho chị T. Đến hạn trả nợ, Hà không trả tiền cho cho chị T mà dùng số tiền trên trả nợ cho những người khác. Như vậy, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị T số tiền là 70.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/7/2016, H đến nhà bà Lê Thị Y, sinh năm 1959, trú tại: 06 D, phường A, thành phố H để mượn tiền, H nói dối với bà Y: “Cần số tiền 40.000.000 đồng để mua lô hàng do Cơ quan của Hà bán thanh lý, bán lại kiếm lời”, vừa nói H vừa đưa cho bà Y xem thẻ kiểm tra thị trường có dán ảnh của H (thẻ giả được in sao từ thẻ kiểm tra thị trường của H). Tin tưởng là nói của H, bà Y cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho bà Y kèm theo một thẻ kiểm tra thị trường mang tên Vũ Hồng H (thẻ giả), hẹn đến ngày 01/8/2016 H sẽ trả đầy đủ cho bà Y. Đến hạn trả nợ, H không trả tiền cho cho bà Y mà dùng số tiền trên trả nợ cho những người khác. Như vậy, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị Y số tiền là 40.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/8/2016, H đến nhà anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1976 và chị Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1978, cùng trú tại: L, phường H, thành phố H để mượn tiền, Hà nói dối với với vợ chồng anh H: “Cần số tiền 40.000.000 để chạy thủ tục làm giấy tờ nhà đất cho người khác, sau khi làm được, người đó sẽ trả tiền công cho H, H sẽ trả lại số tiền này anh H, chị D”. Do biết H là Cán bộ quản lý

thị trường nên vợ chồng anh H tin tưởng, cho H mượn số tiền trên. H viết giấy mượn tiền giao cho chị D, hẹn trong thời gian 01 tháng kể từ ngày mượn H sẽ trả lại đầy đủ. Đến hạn trả nợ, H không trả tiền cho vợ chồng anh H mà dùng số tiền trên trả nợ cho những người khác. Như vậy, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh H và chị D số tiền là 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo Vũ Hồng H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của những người bị hại nói trên là: 930.000.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Duy C là bố của bị cáo Vũ Hồng H đã hoàn trả đầy đủ số tiền mà Hà đã chiếm đoạt của các người bị hại nêu trên, hiện không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của H trên các giấy mượn tiền mà H đã giao cho những người bị Hại. Kết quả, chữ ký, chữ viết trên các giấy mượn tiền đều do H viết, ký ra.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P3 ngày 22/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Vũ Hồng H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Vũ Hồng H từ 7(bảy) năm tù đến 8(tám) năm tù

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Hồng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/01/2015 đến 02/8/2016, Vũ Hồng H là Cán bộ Chi cục quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế đã dùng thẻ kiểm tra thị trường của mình và nói dối để chiếm đoạt của bà Phan Thị Túy P, Bà Trần Thị Kim C, vợ chồng anh Trần Khắc Tuấn chị Trần Thị Linh, Bà Nguyễn Thị T, Bà Đinh Thị

Thu T, bà Lê Thị Y và vợ chồng anh Nguyễn Hữu H chị Đặng Thị Thùy D, với tổng số tiền là 930.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Vũ Hồng H như vừa nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạm vào điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) . Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Vũ Hồng H tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P3 ngày 22/4/2019 là có căn cứ.

Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với tang số phạm tội lớn, chiếm đoạt tài sản của nhiều người, đã gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm cho nhiều gia đình bị thất thoát tài sản, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Bị cáo Vũ Hồng H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là viên chức nhà nước, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị xử lý nghiêm khắc, thế nhưng do động cơ vụ lợi, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân, nên bị cáo đã bất chấp tất cả, quyết tâm thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo H như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H nhiều lần chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại nên Bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại; các người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Bị cáo H; Có bố là ông Vũ Duy C là Thương binh, có thời gian công tác XYZ từ tháng 01/1968 đến tháng 5/1975 và mẹ là bà Đặng Thị Minh T có thời gian công tác XYZ từ tháng 12/1971 đến tháng 7/1975 nên Bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét căn cứ vào khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt Bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Duy C là bố của bị cáo Vũ Hồng H đã hoàn trả đầy đủ số tiền mà Hà đã chiếm đoạt của các người bị hại nêu trên, các người bị hại không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông C, bà T không yêu cầu Bị cáo H phải trả lại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Hồng H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015,

Xử phạt bị cáo Vũ Hồng H 7 (Bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/7/2018.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Hồng H phải chịu 200.000 đồng.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Các người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, Vp, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hưng Bính